

**GHI NHẬN MỚI VỀ PHÂN BỐ ẾCH CÂY SÀN BẮC BỘ**  
***Theلودerma corticale* (Boulenger, 1903) Ở NGHỆ AN VÀ HÀ TĨNH**

**ĐẬU QUANG VINH**

*Trường THPT Quỳnh Hợp 3, Quỳnh Hợp, Nghệ An*

**ÔNG VĨNH AN, THÁI CẢNH TOÀN**

*Trường Đại học Vinh*

**NGUYỄN KIM TIẾN**

*Trường Đại học Hồng Đức*

Loài Ếch cây sàn bắc bộ *Theلودerma corticale* đặc hữu, hiếm gặp, có màu sắc đẹp và là đối tượng buôn bán để làm cảnh; phân bố ở Hà giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La (Nguyen et al, 2009), Yên Tử (Trần Thanh Tùng 2009), Tuyên Quang (Hoàng Văn Ngọc 2011), Quảng Bình (theo Luu et al, 2013) của Việt Nam. Trong bài báo này chúng tôi dẫn ra dữ liệu về phân bố, đặc điểm sinh học sinh thái của loài này lần đầu tiên phát hiện ở Nghệ An và Hà Tĩnh, góp phần làm cơ sở khoa học cho việc bảo tồn.

**I. TƯ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**Mẫu nghiên cứu:** DQV03007(N: 18<sup>0</sup>27'915'', E: 105<sup>0</sup>43'563'', 277m, 20h23', ngày 21/06/2012) do Đậu Quang Vinh, Thái Cảnh Toàn và Nguyễn Việt Hùng ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh; OVAPH163(N: 19<sup>0</sup>20'468'', E: 105<sup>0</sup>01'387'', 645 m, tháng 7/2013) do Đậu Quang Vinh, Ông Vĩnh An, Hoàng Quốc Dũng, Trần Thị Thiện, Nguyễn Thị Hằng, Vi Văn Thiện thu thập vào tháng 7/2013 ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, thuộc xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Trong các đợt khảo sát, mẫu được thu thập bằng tay, vào buổi tối từ 18h00' đến 24h00', trùng với thời gian hoạt động chủ yếu của lưỡng cư. Ban ngày chúng tôi tiến hành chụp ảnh để ghi lại màu sắc tự nhiên và xử lý mẫu. Mẫu thu được ghi nhật kí, chụp ảnh, cố định bằng formalin 10% trong 24h hoặc 1 tuần sau đó chuyển sang bảo quản ở cồn 70°. Tên khoa học, tên phổ thông theo Nguyễn Văn Sáng và cs. (2009).

Các chỉ tiêu hình thái được đo với độ chính xác đến 0,01 mm bao gồm: Dài thân (SVL): từ nút mõm đến huyết; Dài đầu (HL): từ nút mõm đến xương góc hàm; Rộng đầu (HW): bề rộng lớn nhất của đầu, thường là khoảng cách hai góc sau của hàm; Khoảng cách mõm mắt (ESL): khoảng cách từ trước mắt đến nút mõm; Đường kính mắt (ED): chiều dài lớn nhất của ổ mắt; Dài màng nhĩ (TD): bề dài lớn nhất của màng nhĩ; Gian ổ mắt (IOD): khoảng cách nhỏ nhất giữa 2 ổ mắt; Khoảng cách tai mắt (TED): Khoảng cách từ sau mắt đến màng nhĩ; Dài đuôi FL: lỗ huyết đến khớp gối; Dài ống chân (TL): khớp gối đến cuối khớp ống - cổ; Dài bàn chân (FOT): mép củ bàn trong đến nút ngón 4.

**II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Tên khoa học:** *Theلودerma corticolor* (Boulenger, 1903)

**Tên Việt Nam:** Ếch cây sàn bắc bộ.

**Số mẫu:** 02 (con cái DQV03007, con đực OVAPH163).

**Đặc điểm chẩn loại:**

**Con đực:** SVL: 67,76; HW: 28,59; HL: 27,15; IOD: 7,18; ED: 6,67; TD: 5,97; ESL: 11,65; TED: 3,67; FL: 33,71; TL: 33,07; FOT: 27,99; HL/HW: 0,95; ESL/HL: 0,43; TD/ED: 0,90; ED/ESL: 0,57; TL/SVL: 0,49; ESL/SVL: 0,17; IOD/ED: 1,08; FL/TL: 1,02.

**Con cái:** SVL: 67,45; HW: 27,02; HL: 27,67; IOD: 6,89; ED: 6,00; TD: 5,56; ESL: 11,01; TED: 4,01; FL: 33,78; TL: 34,45; FOT: 27,43; HL/HW: 1,02; ESL/HL: 0,40; TD/ED: 0,93; ED/ESL: 0,55; TL/SVL: 0,51; ESL/SVL: 0,16; IOD/ED: 1,15; FL/TL: 0,98.

**Mô tả:** Kích thước cơ thể lớn (Con đực SVL: 67,76 mm, con cái SVL: 67,45 mm). Đầu to, dẹt, dài gần bằng rộng, mút mõm tròn, vùng má xiên, hơi lõm; màng nhĩ hình tròn, nhỏ hơn đường kính mắt; có răng lá mía.

Chi trước chỉ có màng ở góc giữa ngón tay III và IV, mút ngón tay có đĩa bám rất lớn; ở con đực chai sinh dục ở ngón I màu kem, chiều dài các ngón I<II<IV<III; chi sau có màng hoàn toàn, trừ ngón IV; đĩa ngón chân nhỏ hơn đĩa ngón tay; khi gấp dọc thân, khớp cổ - bàn chạm đến góc sau mắt; chiều dài các ngón I<II<III<V<IV, củ bàn trong phát triển, không có củ bàn ngoài.

Da lưng sần sùi bởi nhiều mụn cóc lớn và những nốt sần nhỏ, trên đùi và quanh hậu môn có nhiều nốt sần hình chóp. Lưng xanh rêu, xen lẫn với những vân nâu đỏ không có hình dạng cố định; chi có các vệt ngang, sẫm màu; sườn và bụng vàng với các vết hay vân đen (Hình 1).



Hình 1: Màu sắc tự nhiên của con đực ở Khu BTTN Pù Huông

**Sinh học, sinh thái:** Một mẫu cá thể cái trưởng thành (DQV03007) thu thập ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh vào lúc 20h23', ngày 21/06/2012 ở độ cao 277 m so với mực nước biển, mẫu thu trên cây, cách mặt đất 0,5 m, cách suối hơn 10 m, trong rừng thường xanh. Một mẫu cá thể đực trưởng thành (OVAPH163) thu thập ở Khu BTTN Pù Huông, tỉnh Nghệ An vào tháng 7/2013, ở độ cao 645 m so với mực nước biển, trong hốc cây có nước, cách mặt đất 4 m, cách suối hơn 10 m, trong rừng thường xanh.

**Bàn luận:** Các chỉ tiêu hình thái giữa con đực và con cái ở Khu BTTN Pù Hường và VQG Vũ Quang tương tự nhau, trong đó SVL, HW, IOD, ED, TD, ESL, FOT, ESL/HL, ED/ESL, ESL/SVL, IOD/ED, FL/TL ở con đực lớn hơn con cái và HL, TED, FL, TL, HL/HW, TD/ED, TL/SVL ở con cái lớn hơn con đực. So sánh với mô tả của Luu *et al*, 2013 ở Phong Nha Kẻ Bàng cho thấy, cá thể đực ở Khu BTTN Pù Hường có các chỉ tiêu hình thái tương tự nhau (SVL: 61,3-69,7 mm và SVL: 67,76 mm), đầu rộng hơn dài (HW: 26,3-28,6 mm, HL: 24,1-27,5 mm và HW: 28,59 mm, HL: 27,15 mm); dài mõm lớn hơn đường kính mắt (ESL: 9,0-10,0 mm, ED: 6,2 mm và ESL: 11,65 mm, ED: 6,67 mm); màng nhĩ lớn hơn đường kính mắt (TD: 4,0-4,9 mm, ED: 3,3-3,9 mm và TD: 5,56 mm, ED: 6,00 mm); có răng lá mía; chi sau dài đùi, dài ống chân hơn dài bàn chân (FL: 25,5-32,2 mm TL:31,8-34,0 mm, FOT: 27,8-30,5 mm và FL: 33,71 mm; TL: 33,07 mm; FOT: 27,99 mm) (bảng 1).

Bảng 1

So sánh một số đặc điểm hình thái của loài *Theلودerma corticolor*

TT	Con đực		Con cái
	Nghệ An (n=1)	Quảng Bình (n=3)*	Hà Tĩnh (n=1)
SVL	67,76	61,3-69,7	67,45
HL	27,15	24,1-27,5	27,67
HW	28,59	26,3-28,6	27,02
ESL	11,65	9,0-10,0	11,01
ED	6,67	6,2	6,00
TD	5,97	4,0-4,9	5,56
IOD	7,18	6,1-6,5	6,89
TED	3,67	3,3-3,9	4,01
FL	33,71	25,5-32,2	33,78
TL	33,07	31,8-34,	34,45
FOT	27,99	27,8-30,5	27,43
HL/HW	0,95	-	1,02
ESL/HL	0,43	-	0,40
TD/ED	0,90	-	0,93
ED/ESL	0,57	-	0,55
TL/SVL	0,49	-	0,51
ESL/SVL	0,17	-	0,16
IOD/ED	1,08	-	1,15
FL/TL	1,02	-	0,98

**Ghi chú:** Mẫu ở Quảng Bình theo Luu *et al*, 2013 **Phân bố:** Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La (Nguyen *et al*, 2009), xã Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (Trần Thành Tùng 2009), xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Hoàng Văn Ngọc 2011), Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình (Luu *et al*, 2013). Như vậy, đây là lần đầu tiên ghi nhận phân bố ở Khu BTTN Pù Hường, tỉnh Nghệ An và Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hoàng Văn Ngọc**, 2011. Nghiên cứu Lưỡng cư, Bò sát ở ba tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Luận án tiến sĩ Sinh học, Đại học sư phạm Hà Nội, 144 trang.
2. **Nguyen, V. S., C. T. Ho, T. Q. Nguyen**, 2009. Herpetofauna of Vietnam. Edition Chimaira, Frankfurt am Main, 768 pp.

3. **Trần Thanh Tùng**, 2009. Góp phần nghiên cứu Lưỡng cư, Bò sát ở vùng núi Yên Tử. Luận án tiến sĩ Sinh học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
4. **Đậu Quang Vinh, Nguyễn Văn Sáng, Lê Thị Hồng Lam, Hoàng Xuân Quang**, 2013. Đa dạng thành phần loài và sự phân bố theo độ cao của họẾch cây Rhacophoridae tại Khu BTTN Pù Hoạt. Báo cáo khoa học Toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 5, Nxb. Nông nghiệp, trang 894-897.
5. **Luu, Q. V., Q. T. Nguyen, C. T. Pham, K. N. Dang, T. N. Vu, S. Miskovic, M. Bonkowski, T. Ziegler**, 2013. No end in sight? Further new records of amphibians and reptiles from Phong Nha-Ke Bang National Park, Quang Binh Province, Vietnam. Biodiversity Journal, 4 (2): 285-300.
6. **Rowley, J. J., T. T. D. Le, D. H. Hoang, Q. V. Dau, T. T. Cao**, 2011. Two new species of *Theلودerma* (Anura: Rhacophoridae) from Vietnam. Zootaxa 3098, pp. 1-20.

**FIRST RECORDS OF *Theلودerma corticale* (Boulenger, 1903)  
IN NGHE AN AND HA TINH PROVINCES**

**DAU QUANG VINH, ONG VINH AN,  
THAI CANH TOAN, NGUYEN KIM TIEN**

SUMMARY

We recorded specimens of *Theلودerma corticale* for the first time from Nghe An and Ha Tinh provinces. An adult male was collected in the evergreen forest on the Pu Huong Nature Reserve, Quy Hop district, Nghe An province in July 2013 and an adult female was collected in the evergreen forest on the Vu Quang National Park, Vu Quang district, Ha Tinh Province in June 2012. Additional data of morphology and natural history of this species are provided.